

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
dự án Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn  
của Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 11/12/2020;*

*Xét nội dung báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của dự án Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 1215/UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1225/TTr-STNMT ngày 30/12/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn của Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Đập Đá theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

4. Chỉ đạo và giao cho đơn vị có chức năng triển khai thực hiện các bước tiếp theo sau khi hoàn thành việc xây dựng, cụ thể:

a) Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

b) Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

c) Tiếp tục thực hiện nghiêm túc nội dung theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

5. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án, bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 5.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *Phu*

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Đập Đá;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10. *Ulc*



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN KHU**  
**DÂN CƯ ĐÔNG BÀN THÀNH 2, PHƯỜNG ĐẬP ĐÁ, THỊ XÃ AN NHƠN**  
**CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày / /2020 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

1.1. Tên dự án: Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn.

1.2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn.

1.3. Địa điểm: Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án: tổng diện tích dự án là 107.933,00 m<sup>2</sup>, với tổng dân cư khoảng 892 người.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, cụ thể: san nền, giao thông, hệ thống cấp và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, hệ thống cấp nước sinh hoạt và PCCC.

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

**2.1. Các tác động môi trường chính của dự án**

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi trong quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, bụi và khí thải của máy móc thi công tại công trường và của phương tiện vận chuyên; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình giao thông, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải**

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2,88 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 85,6 m<sup>3</sup>/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

**2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải**

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi, khí thải từ quá trình vận chuyên nguyên liệu, đất đắp; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

#### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường

- Trong giai đoạn xây dựng: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 54,79 kg/ngày, chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 4,38 kg/ngày, chất thải rắn từ hoạt động bốc tầng phủ phát sinh khoảng 16.155 m<sup>3</sup>.

- Trong giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 611 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi; CTR từ quá trình đào đất có thành phần bùn, sét lỏng, dễ phát tán vào môi trường nước.

#### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn xây dựng phát sinh với tổng khối lượng khoảng 60 kg/tháng và giai đoạn hoạt động phát sinh với tổng khối lượng khoảng 140 kg/năm.

- Tính chất CTNH: chủ yếu là pin, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang,... chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, nổ, ăn mòn.

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

#### 3.1. Về thu gom, xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn

a) Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ dân, đầu nối vào các hố ga kết hợp tuyến ống nhựa đường kính 114 mm dọc theo các tuyến đường, nước thải sau khi thu gom sẽ được xử lý cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1 (từ năm 2021 đến năm 2023): đầu tư xây dựng Bể tự hoại tập trung, thể tích 115,32 m<sup>3</sup>, kết cấu bằng bê tông cốt thép, để xử lý nước thải.

- Giai đoạn 2 (từ năm 2024 đến năm 2025): nước thải được thu gom và đầu nối về HTXLNT của dự án khu dân cư Đông Bàn Thành để xử lý.

- Giai đoạn 3 (sau năm 2025):

+ Trong trường hợp Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn đầu tư xây dựng HTXLNT tập trung của thị xã: nước thải từ dự án được đưa về HTXLNT tập trung của thị xã (công suất 7.000 m<sup>3</sup>/ngày) tại phường Đập Đá.

+ Trong trường hợp Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn chưa đầu tư xây dựng HTXLNT tập trung của thị xã: chủ đầu tư sẽ đầu tư xây dựng HTXLNT có công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý nước thải phát sinh tại dự án.

+ Sơ đồ công nghệ HTXLNT, công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày:

Nước thải → Hố gom → Bể điều hoà → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Màng MBR → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

b) Nước mưa chảy tràn

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải gồm các đường ống, hố ga dẫn nước mưa chảy tràn trong khu vực dự án thoát ra kênh mương phía Đông.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: phương tiện vận chuyển được phủ kín bạt, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi phát sinh,...
- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích đất cây xanh khoảng 12.701,30 m<sup>2</sup>.

### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- Giai đoạn xây dựng: Lượng đất đào từ hoạt động bóc tầng phủ được lưu chứa tại bãi thải tạm trong khu vực dự án, để khô nước, tạo các mương thoát nước tạm thời xung quanh các bãi thải tạm để lắng chất thải rắn lơ lửng và hạn chế nước mưa chảy tràn chảy vào khu vực bãi thải. Sau khi khô nước, lượng đất đào này được vận chuyển đến khu vực công viên cây xanh của dự án để san lấp.
- Giai đoạn hoạt động: chủ đầu tư bố trí 06 thùng rác, 240 lít để lưu chứa CTR sinh hoạt tại các khu nhà ở, công viên.

### 3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào Dự án, chỉ thi công trong khoảng thời gian từ 7h- 11h30, 13h30-17h.
- Giai đoạn hoạt động: quy hoạch diện tích để trồng cây xanh.

### 3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn xây dựng: ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy và sử dụng các phương tiện thi công tại công trường nhằm tránh nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.
- Giai đoạn hoạt động: thường xuyên kiểm tra, khơi thông các hố ga, công thoát nước mưa tránh ngập cục bộ trong khu vực khi có mưa lớn.

## 4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.
- Bể tự hoại tập trung, thể tích 115,32 m<sup>3</sup> (giai đoạn 1).
- Hệ thống xử lý nước thải công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày (giai đoạn 3).
- Diện tích cây xanh khoảng 12.701,30 m<sup>2</sup>.

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, chương trình giám sát môi trường cụ thể như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng: giám sát việc thu gom CTR và CTNH về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Vị trí, thông số và tần suất giám sát: cụ thể theo nội dung báo cáo ĐTM.
- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K=1,0.

5.3. Giám sát vận hành thương mại

a) Giám sát nước thải sinh hoạt

- Giám sát định kỳ tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: lưu lượng và toàn bộ thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số K=1,0.

b) Giám sát chất thải rắn: giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

c) Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (bao gồm báo cáo về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại) theo quy định.